

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG
TỈNH SÓC TRĂNG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 53/2021/HS-ST
Ngày: 24 – 5 - 2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Trúc Phương.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Huỳnh Phước.

Ông Hà Văn Châu.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Thuận – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Vương - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 5 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 45/2021/TLST-HS ngày 16 tháng 4 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 48/2021/QĐXXST-HS ngày 12 tháng 5 năm 2021 đối với bị cáo:

Trần Thị Yến Nh, sinh ngày 17/11/2002 tại Sóc Trăng. Nơi cư trú: xã TV, huyện TĐ, tỉnh Sóc Trăng; nghề nghiệp: không; trình độ học vấn: 8/12; dân tộc: kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Trần Văn T và bà Trần Thị Yến Q; chồng: không; con: 02 người, lớn nhất sinh năm 2018, nhỏ nhất sinh năm 2020; tiền án: không; tiền sự: không; bị cáo bị tạm giữ ngày 18/02/2021 đến ngày 21/02/2021 chuyển tạm giam cho đến nay (có mặt).

- Người bào chữa cho bị cáo: Ông Nguyễn Văn N, Luật sư thực hiện trợ giúp pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

Địa chỉ liên hệ: Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Sóc Trăng, số 197 Hùng Vương, Phường 6, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng;

- Người bị hại:

Ông Phùng Anh K, sinh năm 1985. Địa chỉ: Khóm M, Phường M, thành phố ST, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

Ông Dương Minh Tr, sinh năm 1995. Địa chỉ: Khóm B1, Phường T, thành phố ST, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

Ông Trần L, sinh năm 2005. Địa chỉ: Trường giáo dưỡng – Bộ Công an và người đại diện hợp pháp của ông Trần L: Ông Trần Ph, sinh năm 1970 và bà Huỳnh Thị Thu Th, sinh năm 1978. Cùng địa chỉ: Khóm B2, Phường B, thành phố ST, tỉnh Sóc Trăng (cha, mẹ của Trần L) (cùng vắng mặt).

Bà Trần Thị Yến Q, sinh năm: 1982. Địa chỉ: xã TV, huyện TĐ, tỉnh Sóc Trăng (mẹ của bị cáo Nh) (vắng mặt).

Ông Tăng Bá Ch, sinh năm: 1962. Địa chỉ: Khóm M, Phường M, thành phố ST, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

Chị Trần Ánh V, sinh ngày: 26/9/2002. Địa chỉ: Khóm M, Phường T, thành phố ST, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 03 giờ 00 phút, ngày 17 tháng 10 năm 2019, Lộc điều khiển xe mô tô biển số 83P1-694.82 chở Nh đến Nhà nghỉ PL, Phường H, thành phố ST để nghỉ. Khi đi đến khu vực khách sạn QT Khóm B, Phường H, thành phố ST thì L và Nh nảy sinh ý định đột nhập vào bên trong tìm tài sản để lấy trộm. L điều khiển xe đậu ở khu vực phía bên ngoài, Nh ở bên ngoài canh đường còn L trèo qua bức tường rào bên hông khách sạn để vào bên trong. Khi vào được khu vực bên trong, L đi vào bên trong quầy tiếp tân, phát hiện ông Dương Minh Tr đang ngủ. L đi lại khu vực để tiền, mở hộc tủ ra lấy số tiền 5.365.000 đồng của anh Phùng Anh K cầm trên tay, tiếp đó L lấy chiếc điện thoại Iphone 6 Plus để bên cạnh nơi Tr đang nằm ngủ. Sau đó, L phát hiện chiếc túi da của Tr để trên quầy tiếp tân, bên trong túi da có 01 cục sạc dự phòng nhãn hiệu TL, tiền Việt Nam 2.200.000 đồng, 01 giấy phép lái xe mô tô hạng A1 và giấy phép lái xe ô tô hạng C tên Dương Minh Tr nên đã lấy túi da cùng các tài sản có trong túi da, sau đó lấy số tiền 5.365.000 đồng và chiếc điện thoại Iphone 6 Plus vừa trộm được bỏ vào trong túi da rồi mang túi da trên người quay ra ngoài theo đường L đã trèo vào. Sau khi trộm được tài sản, L điều khiển xe chở Nh đến khách sạn PL thuê phòng ngủ. Đến khoảng 10 giờ 00 phút cùng ngày, L đem chiếc điện thoại Iphone 6 Plus trộm được đến cửa hàng điện thoại Ch tại Phường M, thành phố ST bán được 800.000 đồng. Số tiền trộm cắp có được và tiền bán điện thoại có được, L mua ma túy để cùng với Nh sử dụng, chở Nh đi ăn uống, mua quần áo và đồ dùng cá nhân cho Nh, trả tiền thuê phòng hết. Đến khoảng 05 giờ 00 phút cùng ngày, bà Lê Thị Huyền Tr là quản lý khách sạn phát hiện bị mất trộm tiền nên đã trình báo với Công an Phường H, thành phố ST. Sau đó Công an mời L và Nh lên làm việc, L và Nh đã thừa nhận toàn bộ hành vi trộm cắp.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 152/KL.ĐGTS ngày 03 tháng 12 năm 2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự Ủy ban nhân dân thành phố ST, kết luận: 01 túi da màu đen nhãn hiệu Adidas có giá 90.000 đồng; 01 Điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6 Plus có giá 3.394.300 đồng; 01 cục sạc dự phòng nhãn hiệu TL có giá 114.000 đồng. Tổng giá trị tài sản định giá: 3.598.300 đồng.

Về vật chứng, Cơ quan điều tra đã tạm giữ: 01 chiếc xe mô tô biển số 83P1-694.82, màu xám bạc, nhãn hiệu SYM. Riêng đối với các đồ vật: 01 túi da màu đen nhãn hiệu Adidas, 01 cục sạc dự phòng nhãn hiệu TL và các giấy tờ tùy thân của Dương Minh Tr (01 giấy phép lái xe mô tô hạng A1, 01 giấy phép lái xe ô tô hạng C), L đã ném bỏ ở khu vực đường vào khu dân cư DH, Phường B1, thành phố ST, Cơ quan điều tra đã tiến hành đưa L đến nơi L đã ném bỏ để thu giữ nhưng các tài sản trên không còn nên không tiến hành thu giữ được.

Về trách nhiệm dân sự: Trong quá trình điều tra bị hại Phùng Anh K yêu cầu bị cáo Nh và Trần L bồi thường số tiền 5.365.000 đồng. Bị hại Dương Minh Tr yêu cầu bị cáo Nh và Trần L bồi thường số tiền 5.600.000 đồng. Bị cáo Nh và Trần L chưa bồi thường.

Đối với Trần L, sinh ngày 27 tháng 6 năm 2005, khi thực hiện hành vi phạm tội L mới 14 tuổi 03 tháng 20 ngày nên theo quy định tại Điều 12 Bộ luật hình sự thì L chưa đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự về tội này.

Đối với người mua chiếc điện thoại của L do trộm cắp có được, L cho rằng đã bán chiếc điện thoại cho ông Tăng Bá Ch, tuy nhiên ông Ch không nhớ có mua hay không nên chưa đủ cơ sở xử lý hình sự.

Tại bản cáo trạng số 50/CT-VKS-TPST ngày 13/4/2021 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sóc Trăng truy tố bị cáo Trần Thị Yến Nh về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

* Tại phiên tòa:

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sóc Trăng giữ nguyên quyết định truy tố về hành vi của bị cáo Trần Thị Yến Nh và đề nghị Tòa án tuyên bố bị cáo Trần Thị Yến Nh phạm tội “trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự; áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo như: bị cáo có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; khi thực hiện hành vi phạm tội Bị cáo Nh chưa đủ 18 tuổi được quy định tại điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 91, Điều 101 Bộ luật Hình sự và đề nghị áp dụng Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo từ 06 tháng tù đến 09 tháng tù.

Về xử lý vật chứng: Trả lại cho chị Trần Ánh V 01 xe mô tô màu xám bạc, nhãn hiệu SYM, biển kiểm soát 83P1-694.82.

Về trách nhiệm dân sự: Theo đơn xin xét xử vắng mặt ngày 24/5/2021 của các bị hại thì các bị hại không yêu cầu bồi thường nên đề nghị Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

- Quan điểm của người bào chữa cho bị cáo luật sư Nguyễn Văn N trình bày: Thống nhất với tội danh và khung hình phạt mà Viện kiểm sát truy tố để xét xử bị cáo Nh. Tuy nhiên, về định lượng truy cứu trách nhiệm hình sự đối với bị cáo Nh số tiền 11.163.300 đồng là chưa có căn cứ vì đối với các tài sản gồm: túi da hiệu Adidas, một điện Iphone 6 Plus và một Cục sạc dự phòng hiệu TL không thu hồi được nên không có cơ sở để định giá tài sản theo lời khai của các bị hại. Và cho đến thời điểm hiện tại Trần L thừa nhận lấy trộm số tiền khoảng 10.000.000 đồng, lời khai này của Trần L phù hợp với lời khai bị hại Tr khai mất số tiền 2.200.000 đồng và K khai mất số tiền 5.365.000 đồng, tổng cộng là 7.565.000 đồng nên theo nguyên tắc có lợi thì phải xác định số tiền truy cứu trách nhiệm hình sự đối với Nh là 7.565.000 đồng là mới chính xác và áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Do bị cáo là người chưa đủ 18 tuổi, nhân thân tốt và có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nên đề nghị xử phạt bị cáo mức hình phạt 3 tháng cải tạo không giam giữ đối với bị cáo Nh là tương xứng.

- Bị cáo thống nhất với lời bào chữa của Người bào chữa và nói lời nói sau cùng xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

- Người có quyền và nghĩa vụ liên quan chị Trần Ánh V đề nghị được nhận lại chiếc xe mô tô màu xám bạc, nhãn hiệu SYM, biển kiểm soát 83P1-694.82 vì đây là xe mô tô của chị V cho Lộc mượn. Chị V không biết L sử dụng để đi trộm cắp tài sản.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa, các bị hại Phùng Anh K, Dương Minh Tr, người có quyền và nghĩa vụ liên quan ông Tăng Bá Ch, bà Trần Thị Yên Q được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt, ông K, ông Tr có đơn xin xét xử vắng mặt. Đối với Trần L hiện đang bị quản lý tại Trường Giáo dưỡng - Bộ Công an, Tòa án đã đề nghị cơ quan công an có thẩm quyền trích xuất về tham dự phiên tòa nhưng cơ quan công an chưa trích xuất được vì lý do dịch bệnh. Xét thấy, việc vắng mặt của Trần L và các ông, bà nêu trên không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung là phù hợp với quy định tại Điều 292 Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Sóc Trăng, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sóc Trăng, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[3] Tại phiên tòa bị cáo Trần Thị Yên Nh thừa nhận hành vi của bị cáo gây

ra, cụ thể: Vào khoảng 3 giờ 00 phút ngày 17/10/2019 L điều khiển xe mô tô chở bị cáo đi nhà nghỉ PL, trên đường đi đến Khách sạn QT L dừng lại và nói đi tiểu, bị cáo hiểu là L vào khách sạn để trộm tài sản của người khác vì trước đây bị cáo và Trần L có từng đi trộm cùng nhau, bị cáo nói “người ta còn thức”, L trả lời “đi tiểu”. Sau đó L vào khách sạn bằng cách nào thì bị cáo không biết, khoảng 15 phút sau thì L quay trở ra và trên người có đeo một túi xách ngang ngực bị cáo biết là vừa trộm được trong khách sạn, sau đó, L chở bị cáo về nhà nghỉ PL và vào phòng số 01, L lấy đồ trong túi ra thì có 01 điện thoại Iphone 6 Plus màu vàng, một Cục sạc dự phòng và số tiền khoảng 3.000.000 đồng. Sau đó, L và bị cáo thuê phòng trọ số 02 ngủ. Số tiền có được từ việc trộm cắp L mua quần áo cho bị cáo và tiêu xài cá nhân cùng bị cáo hết.

Tại các biên bản ghi lời khai trong quá trình điều tra (bút lục từ 140 đến 151) Trần L khai nhận: vào khoảng 2 giờ sáng ngày 17/10/2019 sau khi L và Yến Nh được Công an Phường H mời lên làm việc xong và cho về, L điện thoại kêu V lên Công an Phường H nhận xe của V, sau đó L mượn xe của Vân chở Nh về (L không nói mượn xe đi trộm cắp tài sản). Trên đường đi L nói với Nh “đi kiếm gì làm” tức là đi trộm tài sản thì Nh trả lời “Ừ”, khi chở Nh đến Khách sạn QT, L dừng xe lại cặp bức tường rào khách sạn và nói với Nh ở ngoài giữ xe, canh người có gì kêu thì Nh đồng ý và nói “vô đi để chị ở ngoài coi”. Sau đó, L leo qua bức tường rào vào bên trong khách sạn đi thẳng vào quầy tiếp tân thì phát hiện một người thanh niên đang ngủ và có một điện thoại di động Iphone đang sạc với cục sạc dự phòng nên L lấy, sau đó, L lấy một túi xách màu đen treo chỗ quầy tiếp tân bỏ điện thoại và cục sạc vào trong túi, tiếp theo, L mở tủ quầy tiếp tân lấy hết số tiền trong tủ bỏ vào túi xách đen và L trèo ra ngoài chỗ Nh đợi và chở Nh đến Nhà nghỉ PL. Trên đường đi L và Nh ghé mua ma túy đá tại khu vực chợ BS thành phố ST, không rõ người bán là nam hay nữ, địa chỉ ở đâu hết số tiền 500.000 đồng. Khi đến Nhà nghỉ PL, L và Nh thuê phòng trọ số 02, số 03. Tại phòng số 03 L và Nh lấy túi xách màu đen mở ra kiểm tra thì đếm được số tiền lấy trộm khoảng 10.000.000 đồng, L đưa cho Nh cất giữ, còn điện thoại và cục sạc L giữ, sau đó L kêu TR E qua phòng cùng L, Nh để sử dụng ma túy, tiếp theo, L đi ra Khách sạn QT bỏ lại túi xách màu đen vì bên trong có giấy tờ tùy thân của người khác. Đến khoảng 10 giờ cùng ngày, L lấy điện thoại đến cửa hàng Ch đường HBT bán được số tiền 800.000 đồng. Số tiền có được L và Nh tiêu xài cá nhân, sử dụng ma túy hết.

Tại biên bản đối chất ngày 10/11/2020 (bút lục 101 đến 103) giữa Trần L và bị cáo Nh, Nh thừa nhận: Lời trình bày của L có phần đúng, có phần sai, vào ngày 17/10/2019 khi L chở Nh thì L không có nói gì với Nh, khi gần đến Khách sạn QT thì L dừng xe lại và L bước xuống xe nói đi tiểu, Nh biết L vào bên trong lấy trộm tài sản, do Nh thấy người bên trong khách sạn đi tới đi lui, Nh mới nói với L là “người ta còn thức”, bị cáo thấy L đi vào còn hèm cặp bên khách sạn khoảng 15 phút sau L ra đeo một túi xách.

Như vậy, mặc dù Nh không thừa nhận L rủ Nh đi trộm tài sản vào đêm 17/10/2019, nhưng khi L dừng xe tại bên ngoài Khách sạn QT nói là đi tiểu thì bị cáo Nh biết là L đi trộm cắp tài sản, Nh biết nhưng không phản đối mà còn đứng bên ngoài chờ L, hành vi đứng chờ bên ngoài của Nh làm L an tâm vì có Nh giúp

sức, hỗ trợ cho việc L trộm cắp tài sản nên Nh cũng là đồng phạm với L trong việc trộm cắp tài sản.

[4] Xét thấy, khi thực hiện hành vi phạm tội thì Bị cáo Nh được 16 tuổi 11 tháng (là người từ đủ 16 tuổi trở lên), thể hiện là người bình thường không bị mắc bệnh lý về tâm thần hoặc một bệnh khác làm mất khả năng nhận thức, điều khiển hành vi nên đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự theo quy định tại Điều 12 Bộ luật Hình sự. Vào ngày 17/10/2019 bị cáo đã giúp sức cho Trần L lên lút lấy trộm tài sản của người khác gồm: 01 túi xách màu đen có giá trị 90.000 đồng, 01 điện thoại Iphone 6 plus có giá trị là 3.394.300 đồng, 01 cục sạc dự phòng có giá trị 114.000 đồng, tiền Việt Nam 2.200.000 đồng của ông Dương Minh Tr; lấy trộm của anh Phùng Anh K số tiền Việt Nam 5.365.000 đồng, tổng tài sản chiếm đoạt là 11.163.300 đồng. Hành vi này của Bị cáo Nh đã xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của các bị hại, là hành vi được pháp luật hình sự quy định là tội phạm theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017 về Tội Trộm cắp tài sản.

Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sóc Trăng truy tố để xét xử về tội danh và khung hình phạt nêu trên là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, không oan cho bị cáo.

Đối với ý kiến của luật sư Nguyễn Văn Ninh đặt ra là không đồng ý việc định lượng truy cứu trách nhiệm hình sự đối với bị cáo Nh là 11.163.300 đồng thì thấy: Tại Điều 219 Bộ luật Tố tụng hình sự quy định: *“trường hợp tài sản cần định giá bị thất lạc hoặc không còn thì việc định giá tài sản được thực hiện theo hồ sơ của tài sản trên cơ sở các thông tin, tài liệu thu thập được về tài sản cần định giá”*. Như vậy, dựa vào lời khai của bị hại Dương Minh Tr mô tả về các tài sản mất trộm không thu giữ được và lời khai nhận của Trần L, bị cáo Nh đều thống nhất các tài sản đã lấy trộm nên việc định giá của Hội đồng định giá trong tố tụng tố hình sự Ủy ban nhân dân thành phố Sóc Trăng tại Kết luận định giá số 152/KL.ĐGTS ngày 03/12/2019 dựa vào sự mô tả của bị hại Tr, Trần L và bị cáo Nh là có căn cứ và dựa vào kết luận định giá để xác định tổng giá trị tài sản bị cáo Nh và Trần L chiếm đoạt là 11.163.300 đồng là đúng quy định pháp luật. Đồng thời, khi nhận được thông báo kết luận định giá tài sản thì bị cáo Nh và Trần L đều thống nhất không có ý kiến khiếu nại nên lời bào chữa của Người bào chữa cho bị cáo Nh là không có căn cứ chấp nhận.

[5] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo phạm tội không có tình tiết tăng nặng.

[6] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo; bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; trước khi phạm tội bị cáo có nhân thân tốt, không tiền án, tiền sự, bị cáo có 02 con còn nhỏ nên được xem xét tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Ngoài ra, khi thực hiện hành vi phạm tội vào ngày 17/10/2019 thì bị cáo Nh mới 16 tuổi 11 tháng là người dưới 18 tuổi nên cần xem xét đến nguyên tắc xử lý

người chưa thành niên phạm tội theo quy định Điều 90, 91, Điều 101 Bộ luật hình sự đối với bị cáo khi quyết định hình phạt.

Tại phiên tòa, người bào chữa cho bị cáo Nh đề nghị áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự tại điểm h khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự là phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn thì thấy: bị cáo đã chiếm đoạt tổng giá trị tài sản 11.163.300 đồng, trong đó, có một số tài sản không thu hồi được như điện thoại, các giấy tờ tùy thân của ông Tr làm ông Tr phải mất nhiều thời gian đi làm lại các giấy tờ và đến thời điểm hiện tại bị cáo Nh, Trần L cũng không khắc phục được hậu quả mà mình đã gây ra nên không thể cho rằng bị cáo phạm tội gây thiệt hại không lớn nên đề nghị của Luật sư N là không có căn cứ chấp nhận.

[7] Về hình phạt áp dụng đối với bị cáo: Căn cứ Điều 50 Bộ luật Hình sự, Hội đồng xét xử xét thấy cần thiết bắt bị cáo chấp hành hình phạt tù với một thời gian nhất định là tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo và nhằm để cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành người tốt, đồng thời có tác dụng răn đe, phòng ngừa chung cho xã hội. Viện kiểm sát đề nghị xử phạt bị cáo từ 06 tháng đến 09 tháng tù là phù hợp.

Không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo.

Tại phiên tòa, người bào chữa cho bị cáo đề nghị xử phạt bị cáo 03 tháng cải tạo không giam giữ thì thấy: mặc dù bị cáo Nh là người dưới 18 tuổi và có 02 con còn nhỏ nhưng bị cáo tại phiên tòa thừa nhận, 02 con của bị cáo từ nhỏ là do mẹ bị cáo trực tiếp nuôi dưỡng vì bị cáo đã bỏ nhà đi theo Trần L và sử dụng ma túy; trong quá trình điều tra bị cáo đã bỏ trốn dẫn đến bắt theo lệnh truy nã nên đối với bị cáo không thể áp dụng hình phạt ngoài tù vì bị cáo không cư trú ở một nơi ổn định và thái độ chấp hành không tốt nên đề nghị của Người bào chữa là không có căn cứ chấp nhận.

[8] Về xử lý vật chứng: Trong quá trình điều tra đã tạm giữ: 01 xe mô tô màu xám bạc, nhãn hiệu SYM, biển kiểm soát 83P1-694.82 của chị Trần Ánh V, V không biết việc bị cáo Nh và Trần L dùng xe để đi trộm cắp tài sản nên cần trả lại cho chị V là phù hợp với quy định pháp luật.

[9] Về trách nhiệm bồi thường thiệt hại:

Trong quá trình điều tra bị hại anh Phùng Anh K yêu cầu bị cáo Nh và Trần L bồi thường số tiền 5.365.000 đồng. Bị hại Dương Minh Tr yêu cầu bị cáo Nh và Trần L bồi thường số tiền 5.600.000 đồng. Tuy nhiên, tại Đơn xin xét xử vắng mặt ngày 24/5/2021 của ông Tr, ông K thì ông Tr, ông K rút lại yêu cầu bị cáo Nh và Trần L bồi thường thiệt hại nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[10] Về án phí: Bị cáo là người bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

[11] Đối với ý kiến bào chữa của Luật sư Nguyễn Văn N đề nghị xác định định lượng truy cứu trách nhiệm hình sự cho bị cáo Nh số tiền là 7.565.000 đồng; đề nghị áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự tại điểm h khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự và đề nghị xử phạt bị cáo Nh 03 tháng cải tạo không giam giữ là

không có căn cứ chấp nhận như nhận định nêu trên.

[12] Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sóc Trăng trình bày quan điểm luận tội và đề nghị mức hình phạt, áp dụng các biện pháp tư pháp đối với bị cáo là có căn cứ pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38, Điều 17, Điều 58, Điều 91, Điều 101 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Căn cứ điểm b khoản 3 Điều 106, Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố: bị cáo Trần Thị Yến Nh, phạm tội Trộm cắp tài sản.

2. Xử phạt bị cáo Trần Thị Yến Nh 6 (sáu) tháng tù. Thời hạn thi hành hình phạt tù tính từ ngày 18/02/2021.

3. Về xử lý vật chứng:

Trả lại cho chị Trần Ánh V 01 xe mô tô màu xám bạc, nhãn hiệu SYM, biển kiểm soát 83P1-694.82

(Vật chứng nêu trên đang được quản lý tại Chi Cục Thi hành án dân sự thành phố Sóc Trăng theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày 13/4/2021 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Sóc Trăng và Chi Cục Thi hành án dân sự thành phố Sóc Trăng).

4. Về trách nhiệm bồi thường thiệt hại: Các bị hại không yêu cầu bồi thường nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

5. Về án phí: Buộc bị cáo Trần Thị Yến Nh phải nộp 200.000 (hai trăm ngàn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

6. Báo cho bị cáo và những người tham gia tố tụng có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đối với những người vắng mặt thì thời hạn kháng cáo được tính 15 ngày kể từ ngày Tòa án tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ theo quy định pháp luật để yêu cầu xét xử lại theo trình tự phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND tỉnh Sóc Trăng;
- Sở Tư pháp tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND thành phố Sóc Trăng;
- CQCSĐT - Công an thành phố Sóc Trăng;
- CQTHAHS – Công an thành phố Sóc Trăng;
- Chi cục THA Dân sự thành phố Sóc Trăng;
- Bị cáo và những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ.
- Lưu Tòa án thành phố Sóc Trăng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Nguyễn Trúc Phương